

Số: 14/NQ-HĐND

Duỹn Hải, ngày 17 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020
cho các đơn vị ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã, thị trấn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DUỖN HẢI
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2950/STC-TCĐT ngày 22/11/2019 của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về việc ý kiến xử lý nguồn vốn tạm ứng thực hiện công tác bồi thường, GPMB dự án Đường khóm 2, phường 1, thị xã Duỹn Hải;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán chi chi ngân sách năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Duỹn Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2020;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duỹn Hải về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho các đơn vị ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã, thị trấn; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho các đơn vị ngành huyện và bổ sung có mục tiêu cho các xã, thị trấn, tổng số tiền: **18.541.505.000 đồng** (Mười tám tỷ năm trăm bốn mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng), (Có bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai tổ chức thực hiện đúng quy định. Ban Kinh tế - Xã hội và đại biểu HĐND huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Duyên Hải khoá IX - Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 17/7/2020./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các đơn vị ngành huyện, Kho bạc NN huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Thường trực HĐND, UBND xã - thị trấn;
- Lưu: VT-HĐND.



Phan Văn Nhận

CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 CHO CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH HUYỆN VÀ BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung							Ghi chú
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XDCB năm 2019 chuyển sang 2020	Nguồn tình bổ sung có mục tiêu	
	TỔNG CỘNG	18.541.505.000	1.535.949.000	1.518.176.000	10.071.460.000	1.037.100.000	12.600.000	785.848.000	3.580.372.000	
1	Bổ sung dự toán chi ngân sách cho các đơn vị ngành huyện	14.233.087.000	1.535.949.000	365.713.000	8.860.699.000	529.700.000	12.600.000	785.848.000	2.142.578.000	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	2.436.000.000	-	158.000.000	2.278.000.000	-	-	-	-	
	Kinh phí thuê tư vấn thẩm định giá trị còn lại Chợ Ngủ Lác và Đồn Xuân để xây dựng phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ	28.000.000		28.000.000						
	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa đường vào công viên vui chơi cho người già và trẻ em xã Ngủ Lác	580.000.000			580.000.000					
	Kinh phí lắp đặt đường dây hạ thế điện phục vụ trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND và Hội trường 500 chỗ	1.200.000.000			1.200.000.000					
	Kinh phí thanh quyết toán hoàn thành quy hoạch chung xây dựng thị trấn Long Thành	98.000.000			98.000.000					
	Kinh phí mua châu hoa trang trí phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện	130.000.000		130.000.000						
	Kinh phí Lắp đặt công hoa xã Đồn Xuân	400.000.000			400.000.000					
2	Văn phòng Huyện ủy và HĐND-UBND huyện	3.678.527.000	1.535.949.000	-	-	-			2.142.578.000	
	Kinh phí tính gián biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP	2.229.649.000	87.071.000						2.142.578.000	
	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách	1.448.878.000	1.448.878.000							Bổ sung kinh phí theo Quy định 3118 số tiền 650.000.000 đồng, bổ sung các loại phụ cấp không có giao trong dự toán đầu năm 798.878.000 đồng
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.199.986.000	-	-	1.199.986.000	-			-	
	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện xây dựng công trình xây dựng Trường Tiểu học Đông Hải B	399.986.000			399.986.000					
	Kinh phí san lấp mặt bằng, hệ thống thoát nước điểm học chính trường Tiểu học Ngủ Lác B	800.000.000			800.000.000					
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	1.139.713.000	-	-	1.139.713.000	-	-		-	



TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung							Ghi chú
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XDCB năm 2019 chuyển sang 2020	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	
	Kinh phí đối ứng với Sở Tài nguyên mua lò đốt rác phục vụ 4 xã đảo	800.000.000			800.000.000					
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện cao rác 2020	180.000.000			180.000.000					
	Kinh phí lắp đặt giá tác động môi trường bãi rác 4 xã đảo	159.713.000			159.713.000					
5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Kinh phí mua phần mềm kế toán "Quý vị người nghèo"	7.200.000	-	-	-	7.200.000			-	
		7.200.000				7.200.000				
6	Công An huyện Kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	75.570.000	-	62.970.000	-	-		12.600.000	-	
		12.600.000						12.600.000		
	Kinh phí thực hiện kiểm tra, phục tra, triển khai, thực hiện cấp nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn huyện	62.970.000		62.970.000						
7	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Kinh phí lắp đặt phòng màn, làm máy tiền chế, lắp đặt máy lạnh, mua sắm dân âm thanh, chi phí phục vụ vận chuyển đi đợt trang thiết bị về trụ sở làm việc mới	657.243.000	-	144.743.000	-	512.500.000			-	
		512.500.000				512.500.000				
	Kinh phí tổ chức hội thi bắn mục tiêu bay thấp	144.743.000		144.743.000						
8	Ban Quản lý Dự án DT XD khu vực huyện Duyên Hải San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước khu bến sông Áp Chơ, xã Đồn Xuân	785.848.000	-	-	-	-	785.848.000		-	
	Thanh toán công trình Trụ sở ban nhân dân khóm 6, thị trấn Long Thành	565.000.000					565.000.000			
		220.848.000					220.848.000			
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Trụ sở làm việc Huyện ủy và khối Đảng huyện Duyên Hải (do trước đây khi chia tách huyện chưa chuyển kế hoạch vốn còn lại của dự án cho Thị xã)	4.243.000.000	-	-	4.243.000.000	-			-	Huyện chuyển kinh phí về ngân sách tỉnh, ngân sách tỉnh cấp lại cho ngân sách thị xã Duyên Hải theo Công văn số 2950/STC-TCĐT ngày 22/1/2019 của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
10	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện Kinh phí sửa chữa Mixer xử lý âm thanh tại Đài huyện	10.000.000	-	-	-	10.000.000			-	
		10.000.000				10.000.000				
II	Bổ sung có mục tiêu cho các xã, thị trấn	4.308.418.000	-	1.152.463.000	1.210.761.000	507.400.000	-	-	1.437.794.000	

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung							Ghi chú
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XD/CB năm 2019 chuyển sang 2020	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	
1	Thị trấn Long Thành	945.146.000	-	354.266.000	390.700.000	104.000.000			96.180.000	
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	14.850.000							14.850.000	
	Kinh phí mua bàn ghế nhà văn hóa cho các xóm	80.000.000				80.000.000				
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hồ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	66.000.000							66.000.000	Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000							15.330.000	Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
	Kinh phí hỗ trợ phương án thu gom rác 2020	99.200.000			99.200.000					
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhả, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	23.266.000		23.266.000						
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	24.000.000				24.000.000				Mua ban ghế làm việc, tủ hồ sơ, lắp camera, làm máy che, san lấp mặt bằng phục vụ Công an, Quân sự
2	Xã Long Khánh	622.500.000		331.000.000	291.500.000					
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	116.100.000							116.100.000	
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hồ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	198.000.000							198.000.000	Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000							15.330.000	Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
	Kinh phí hỗ trợ phương án thu gom rác 2020	36.907.000			36.907.000					
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhả, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	28.600.000		28.600.000						
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	5.500.000				5.500.000				
	Kinh phí phục vụ an ninh, quốc phòng	200.000.000		200.000.000						Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn Công an, Quân sự
3	Xã Ngẫu Lạc	584.191.000	-	59.928.000	128.433.000	239.500.000	-		156.330.000	

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung						Ghi chú	
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XDCB năm 2019 chuyển sang 2020		Nguồn tính bổ sung có mục tiêu
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	108.000.000							108.000.000	
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	33.000.000							33.000.000	Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí hỗ trợ phương án thu gom rác 2020	128.433.000			128.433.000					
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhất, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	59.928.000		59.928.000						
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	14.500.000				14.500.000				
	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị cho nhà văn hóa các ấp	160.000.000				160.000.000				
	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị cho 02 phòng chức năng của xã	65.000.000				65.000.000				
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000								Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
4	Xã Long Vĩnh	752.495.000	-	219.836.000	362.479.000	20.000.000			150.180.000	
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	68.850.000							68.850.000	
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	66.000.000							66.000.000	Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000							15.330.000	Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
	Kinh phí phục vụ an ninh, quốc phòng	170.500.000		170.500.000						Làm máy che, tuyến tuyến pháp luật, lắp camera, mua sắm bàn ghế và trang thiết bị phục vụ chuyên môn Công an, Quân sự
	Kinh phí hỗ trợ phương án thu gom rác 2020	162.479.000			162.479.000					
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhất, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	49.336.000		49.336.000			20.000.000			
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	20.000.000								
	Kinh phí san lấp mặt bằng, sân đá, hệ thống chiếu sáng khu vui chơi giải trí ấp Cái Cỏi	200.000.000			200.000.000					
5	Xã Đông Hải	541.557.000	-	242.721.000	103.206.000	3.800.000			191.830.000	

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung							Ghi chú	
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XDCB năm 2019 chuyển sang 2020	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu		
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	110.500.000							110.500.000		
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	66.000.000							66.000.000		Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000							15.330.000		Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
	Kinh phí hỗ trợ phương tiện thu gom rác 2020	103.206.000			103.206.000						
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhất, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	42.721.000		42.721.000							
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	3.800.000				3.800.000					
	Kinh phí phục vụ an ninh, quốc phòng	200.000.000		200.000.000							Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Công an, Quân sự
6	Xã Đôn Châu	370.791.000	-	17.378.000	74.699.000	4.600.000	-		274.114.000		
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	108.000.000							108.000.000		
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	66.000.000							66.000.000		Định mức 33.000.000 đồng/hộ
	Kinh phí thực hiện thi điểm chuyển giao nhiệm vụ của bộ phận một cửa cấp xã	84.784.000							84.784.000		
	Kinh phí hỗ trợ phương tiện thu gom rác 2020	74.699.000			74.699.000						
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhất, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	17.378.000		17.378.000							
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	4.600.000				4.600.000					
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000							15.330.000		Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày
7	Xã Đôn Xuân	513.801.000	-	29.734.000	114.337.000	130.000.000	-		239.730.000		
	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thời việc theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	158.400.000							158.400.000		
	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ, đất ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh	66.000.000							66.000.000		Định mức 33.000.000 đồng/hộ

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung						Ghi chú
			Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn thu phạt VPHC	Nguồn XDCB năm 2019 chuyển sang 2020	
	Kinh phí hỗ trợ phương án thu gom rác 2020	114.337.000			114.337.000				
	Kinh phí triển khai, thực hiện cấp nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư trên địa bàn	29.734.000		29.734.000					
	Kinh phí hỗ trợ hệ thống truyền thanh cơ sở	10.000.000				10.000.000			
	Kinh phí mua sắm bàn ghế, trang thiết bị cho nhà văn hóa các ấp	120.000.000				120.000.000			
	Kinh phí tăng tiền ăn cho lực lượng DQTV trực luân phiên tại xã, thị trấn	15.330.000						15.330.000	Định mức 14.000 đồng/người/ngày * 3 người * 365 ngày

